TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 260/2019/QĐST-DS V/v: Tuyên bố một người là đã chết	*Quận 1, ngày 23 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 , tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 49/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc: "Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 2782/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Trần Quý D, sinh năm 1966;

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Ông Trần Quý D yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị T, sinh năm 1962; nơi cư trú cuối cùng: đường F, Phường G (nay là phường H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

Ông D có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 28 tháng 12 năm 2018, các bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông Trần Quý D trình bày:

Năm 1990 ông có tìm hiểu và quen biết với bà Phạm Thị T, sinh năm 1962; nơi cư trú cuối cùng: đường F, Phường G (nay là phường H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 7 năm 1990 theo Chứng nhận kết hôn số 95, Quyển số 01/90.

Sau khi kết hôn ông có đến nhà bà T thì được biết cả gia đình đã bán nhà, chuyển đi đâu không ai biết. Suốt 29 năm qua, ông đã tích cực tìm kiếm tin tức của bà Phạm Thị T nhưng không biết bà T còn sống và đang cư trú ở đâu hay đã chết. Bản thân ông chỉ đăng ký kết hôn, chưa từng sống chung, chưa hỏi cưới, chưa có con chung và cũng không có tài sản chung hay nghĩa vụ chung về tài sản với bà T. Trước khi biệt tích, bà T và gia đình có cư trú tại địa chỉ đường F, Phường G (nay là phường H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị T đã chết do bà T đã biệt tích suốt 29 năm qua, không ai biết cũng không có tin tức gì về việc bà T còn sống hay đã chết.

Ông Trần Quý D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị T là đã chết đồng thời có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên họp.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án và giải quyết việc dân sự như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp trong quá trình giải quyết vụ việc: Kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến nay, Thẩm phán, Thư ký phiên họp được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 363, 365, 367, 369 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ việc: Xét thấy yêu cầu của ông Trần Quý D là không trái đạo đức xã hội và pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ các điều 369, 370 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự 2015, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 1 chấp nhận yêu cầu của đương sự, tuyên bố bà Phạm Thị T, sinh năm 1962, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: đường F, Phường G (nay là phường H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 1 nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngày 28 tháng 12 năm 2018, ông Trần Quý D có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị T là đã chết. Đây là việc dân sự yêu cầu tuyên bố một người là đã chết, người bị yêu cầu là bà Phạm Thị T có địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi biệt tích tại đường F, Phường G (nay là phường H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Khoản 4 Điều 27, điểm a Khoản 2 Điều 35 và điểm b Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét ông Trần Quý D yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị T sinh năm 1962, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: đường F, Phường G (nay là phường H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

Căn cứ vào lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do ông D cung cấp và do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định:

Ngày 23 tháng 7 năm 1990, ông Trần Quý D có đăng ký kết hôn với bà Phạm Thị T tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Chứng nhận kết hôn số 95, Quyển số 01/90. Thời điểm này, bà Phạm Thị T có hộ khẩu thường trú và thực tế sinh sống tại đường F, Phường G (nay là phường H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cùng gia đình. Theo ông D trình bày ông chỉ đăng ký kết hôn, chưa từng sống chung, chưa hỏi cưới, chưa có con chung và cũng không có tài sản chung hay nghĩa vụ chung về tài sản với bà T.

Theo Đơn xin xác nhận ngày 03 tháng 3 năm 2019 của ông Trần Quý D có xác nhận của Công an phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Phạm Thị T, sinh năm 1962 có hộ khẩu thường trú tại đường F, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 1976 đến năm 1990 bán nhà và chuyển đi nơi khác không rõ. Hiện nay, đương sự T không còn hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ trên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận 1 đã ban hành Quyết định số 626/2019/QĐ-TBTK và Thông báo số 627/2019/TB-TK thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết đối với bà Phạm Thị T, sinh năm 1962. Ông Trần Quý D đã tiến hành thông báo tìm kiếm bà Phạm Thị T trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, cụ thể: Đài Tiếng nói Việt Nam vào các ngày 21, 22 và 23 tháng 3 năm 2019 theo Hợp đồng thông tin số 44/TTHCM-HĐTT ngày 13 tháng 3 năm 2019; đăng trên Báo Thanh niên ba số báo liên tiếp các ngày 15,16 và 17 tháng 3 năm 2019. Đồng thời Tòa án nhân dân Quận 1 đã đăng thông báo tìm kiếm người bị tuyên bố là đã chết trên Cổng Thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Thông tin và truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng đến nay, vẫn không nhận được tin tức xác thực về việc bà Phạm Thị T còn sống hay đã chết.

Do đó, có đủ cơ sở để xác định bà Phạm Thị T biệt tích từ năm 1990 đến nay, căn cứ khoản 1 Điều 68, điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ngày chết của bà T được xác định là ngày kế tiếp của ngày sau năm năm kể từ ngày biết được tin tức cuối cùng về bà T. Do không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng đối với bà T nên thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng, là ngày 01/01/1991. Ngày chết của bà Phạm Thị T được xác định là ngày 02 tháng 01 năm 1996.

2.2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Quý D phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự theo quy định pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Trần Quý D có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 391 và Điều 393 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 68, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận giải quyết yêu cầu tuyên bố một người là đã chết của ông Trần Quý D.

Tuyên bố bà Phạm Thị T, sinh năm 1962, nơi cư trú cuối cùng: đường F, Phường G (nay là phường H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết. Ngày chết của bà Phạm Thị T là ngày 02 tháng 01 năm 1996.

Khi quyết định của Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị T là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của bà T được giải quyết như đối với người đã chết.

Quan hệ tài sản của bà Phạm Thị T được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của bà Tđược giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Trần Quý D chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007069 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Quý D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết